

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3232** /UBND-NN  
V/v Thống nhất mức vốn hỗ trợ các  
xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới  
năm 2016

Quảng Trị, ngày **15** tháng **8** năm 2016

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính.

Ngày 28/7/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 932/SKH-KTN về việc phương án hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016; Sau khi xem xét, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 với mức vốn hỗ trợ như phụ lục đính kèm.
2. Giao các xã được hỗ trợ kinh phí khẩn trương chuẩn bị hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định của chương trình để nhanh chóng triển khai thực hiện nhằm hoàn thành các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016.
3. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các xã được hỗ trợ kinh phí triển khai các thủ tục theo đúng quy định để phấn đấu hoàn thành các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 theo kế hoạch đề ra.
4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện Nghị quyết 02/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh năm 2017 cho các địa phương theo mức vốn được thống nhất tại phụ lục đính kèm. /SK

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PCT UBND tỉnh: Hà Sỹ Đồng;
- VP Điều phối NTM tỉnh;
- UBND các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ, Hướng Hóa;
- UBND các xã có tên tại Mục 1;
- Lưu: VT, NN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH *tc***



**Nguyễn Đức Chính**

## Phụ lục

**THÔNG BÁO MỨC VỐN HỖ TRỢ****CÁC XÂY DỰNG CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016**(Kèm theo văn bản số: **3232** /UBND-NN ngày **15** /8/2016 của UBND tỉnh)

| STT        | Tiêu chí chưa đạt chuẩn                                     | Tổng nhu cầu vốn NSTW, NS tỉnh hỗ trợ | Đã phân bổ tại QĐ số 532/QĐ-UBND và QĐ số 931/QĐ-UBND | Phân bổ đợt này | Mức hỗ trợ từ NSDP năm 2017 |
|------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|
|            | <b>TỔNG</b>                                                 | <b>21.730</b>                         | <b>6.020</b>                                          | <b>4.354,95</b> | <b>11.355,05</b>            |
| <b>I</b>   | <b>Huyện Vĩnh Linh</b>                                      | <b>5.400</b>                          | <b>1.050</b>                                          | <b>846,00</b>   | <b>3.504,00</b>             |
| <b>1</b>   | <b>Xã Vĩnh Tú</b>                                           | <b>1.800</b>                          | <b>350</b>                                            | <b>282,00</b>   | <b>1.168,00</b>             |
|            | <i>Tiêu chí trường học</i> (Trường mầm non; Trường cấp 2)   | 1.800                                 |                                                       |                 |                             |
| <b>2</b>   | <b>Xã Vĩnh Trung</b>                                        | <b>1.800</b>                          | <b>350</b>                                            | <b>282,00</b>   | <b>1.168,00</b>             |
|            | <i>Tiêu chí giao thông</i> (Đường trục thôn)                | 450                                   |                                                       |                 |                             |
|            | <i>Tiêu chí trường học</i> (Trường mầm non)                 | 1.350                                 |                                                       |                 |                             |
| <b>3</b>   | <b>Xã Vĩnh Hòa</b>                                          | <b>1.800</b>                          | <b>350</b>                                            | <b>282,00</b>   | <b>1.168,00</b>             |
|            | <i>Tiêu chí trường học</i> (Trường tiểu học và THCS)        | 1.800                                 |                                                       |                 |                             |
| <b>II</b>  | <b>Huyện Gio Linh</b>                                       | <b>3.350</b>                          | <b>805</b>                                            | <b>564,00</b>   | <b>1.981,00</b>             |
| <b>1</b>   | <b>Xã Gio Hòa</b>                                           | <b>1.450</b>                          | <b>455</b>                                            | <b>282,00</b>   | <b>713,00</b>               |
|            | <i>Tiêu chí giao thông</i> (Đường trục thôn; Đường ngõ xóm) | 1.450                                 |                                                       |                 |                             |
| <b>2</b>   | <b>Xã Gio An</b>                                            | <b>1.900</b>                          | <b>350</b>                                            | <b>282,00</b>   | <b>1.268,00</b>             |
|            | <i>Tiêu chí giao thông</i>                                  | 500                                   |                                                       |                 |                             |
|            | <i>Tiêu chí Trường học</i>                                  | 1.400                                 |                                                       |                 |                             |
| <b>III</b> | <b>Huyện Triệu Phong</b>                                    | <b>3.400</b>                          | <b>700</b>                                            | <b>564,00</b>   | <b>2.136,00</b>             |
| <b>I</b>   | <b>Xã Triệu Đại</b>                                         | <b>1.700</b>                          | <b>350</b>                                            | <b>282,00</b>   | <b>1.068,00</b>             |
|            | <i>Tiêu chí giao thông</i> (Đường liên thôn)                | 700                                   |                                                       |                 |                             |

| STT | Tiêu chí chưa đạt chuẩn                                                                         | Tổng nhu cầu vốn NSTW, NS tỉnh hỗ trợ | Đã phân bổ tại QĐ số 532/QĐ-UBND và QĐ số 931/QĐ-UBND | Phân bổ đợt này | Mức hỗ trợ từ NSDP năm 2017 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|
|     | <i>Tiêu chí thủy lợi</i> (Kênh mương)                                                           | 700                                   |                                                       |                 |                             |
|     | <i>Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa</i> (Khu thể thao xã)                                        | 300                                   |                                                       |                 |                             |
| 2   | <b>Xã Triệu Đông</b>                                                                            | 1.700                                 | 350                                                   | 282,00          | 1.068,00                    |
|     | <i>Tiêu chí giao thông</i> (Đường trục thôn, xóm)                                               | 700                                   |                                                       |                 |                             |
|     | <i>Tiêu chí Chợ nông thôn</i>                                                                   | 1.000                                 |                                                       |                 |                             |
| IV  | <b>Huyện Hải Lăng</b>                                                                           | 3.180                                 | 700                                                   | 564,00          | 1.916,00                    |
| 1   | <b>Xã Hải Lâm</b>                                                                               | 1.400                                 | 350                                                   | 282,00          | 768,00                      |
|     | <i>Tiêu chí giao thông</i> (Đường ngõ xóm)                                                      | 750                                   |                                                       |                 |                             |
|     | <i>Tiêu chí thủy lợi</i> (Kênh mương nội đồng)                                                  | 440                                   |                                                       |                 |                             |
|     | <i>Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa</i> (Nhà văn hóa và khu thể thao thôn)                       | 210                                   |                                                       |                 |                             |
| 2   | <b>Xã Hải Tân</b>                                                                               | 1.780                                 | 350                                                   | 282,00          | 1.148,00                    |
|     | <i>Tiêu chí thủy lợi</i> (Kênh mương nội đồng)                                                  | 1.300                                 |                                                       |                 |                             |
|     | <i>Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa</i> (Trung tâm VH-TDTT xã; Nhà văn hóa và khu thể thao thôn) | 480                                   |                                                       |                 |                             |
| V   | <b>Huyện Hướng Hóa</b>                                                                          | 1.500                                 | 1.400                                                 | 100,00          | 0,00                        |
| 1   | <b>Xã Tân Long</b>                                                                              | 1.500                                 | 1.400                                                 | 100,00          | 0,00                        |
|     | <i>Tiêu chí giao thông</i> (Đường thôn)                                                         | 500                                   |                                                       |                 |                             |
|     | <i>Tiêu chí Trường học</i> (Trường THCS Tân Long; Trường Mầm non Tân Long)                      | 1.000                                 |                                                       |                 |                             |
| VI  | <b>Huyện Cam Lộ</b>                                                                             | 4.900                                 | 1.365                                                 | 1.716,95        | 1.818,05                    |
| 1   | <b>Xã Cam Thành</b>                                                                             | 1.600                                 | 455                                                   | 1.145,00        | 0,00                        |

| STT | Tiêu chí chưa đạt chuẩn                                      | Tổng nhu cầu vốn NSTW, NS tỉnh hỗ trợ | Đã phân bổ tại QĐ số 532/QĐ-UBND và QĐ số 931/QĐ-UBND | Phân bổ đợt này | Mức hỗ trợ từ NSDP năm 2017 |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|
|     | <i>Tiêu chí giao thông</i> (Đường trục thôn)                 | 900                                   |                                                       |                 |                             |
|     | <i>Tiêu chí môi trường</i> (Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch)      | 700                                   |                                                       |                 |                             |
| 2   | <b>Xã Cam Thủy</b>                                           | <b>1.700</b>                          | <b>455</b>                                            | <b>282,00</b>   | <b>963,00</b>               |
|     | <i>Tiêu chí giao thông</i> (Đường liên thôn; Đường nội thôn) | 1.000                                 |                                                       |                 |                             |
|     | <i>Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa</i> (Nhà văn hóa xã)      | 700                                   |                                                       |                 |                             |
| 3   | <b>Xã Cam Nghĩa</b>                                          | <b>1.600</b>                          | <b>455</b>                                            | <b>289,95</b>   | <b>855,05</b>               |
|     | <i>Tiêu chí giao thông</i> (Đường nội thôn)                  | 1.600                                 |                                                       |                 |                             |

*Ghi chú: Các xã đăng ký danh mục công trình cụ thể phù hợp với các tiêu chí chưa đạt chuẩn kết hợp với đăng ký phân khai cơ cấu nguồn vốn triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.*